TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 675/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2019
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Lan Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Nguyễn Văn Bình
2/ Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20/6/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1990;
Địa chỉ: 980/1B đường A, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Bị đơn: Ông Võ Hoàng D, sinh năm 1984;
Địa chỉ: 980/1B đường A, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Bà và ông Võ Hoàng D tự nguyện chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2011 ngày 18/01/2011. Sau thời gian chung sống đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm hay cãi nhau, ông D thường xuyên bỏ nhà đi, không phụ giúp bà chăm lo cho con. Hai bên đã ly thân nhiều lần, gần đây nhất cũng đã ly thân được 01 năm từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng D.

Về con chung: Bà G khai có một con chung là Võ Ngọc Thùy T, sinh ngày 29/5/2012. Ly hôn bà G yêu cầu được nuôi 01 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà G khai hai bên không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, ông Võ Hoàng D vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng : không có

Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G có đơn yêu cầu ly hôn ông Võ Hoàng D. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G, bị đơn ông Võ Hoàng D.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông D hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung : nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định :

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn khai có một con chung là Võ Ngọc Thùy T, sinh ngày 29/5/2012. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi một con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, hiện nay nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, đồng thời theo nguyện vọng của cháu Trâm thì cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ do đó xét thấy yêu cầu nuôi một con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn ông Võ Hoàng D.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi một con chung là Võ Ngọc Thùy T, sinh ngày 29/5/2012, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà G không yêu cầu.

Ông Võ Hoàng D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc G nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038108 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …..giờ ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T. Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Bình

2/ Bà Nguyễn Thị Lương

Căn cứ vào điều 236 Bộ luật tố tụng dân sự,đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn" thụ lý số 303/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 .

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

1/ Về quan hệ pháp luật :

Căn cứ điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Ly hôn .

Kết quả biểu quyết : 3/3

2/ Về thẩm quyền :

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 :vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Kết quả biểu quyết : 3/3

3/ Về tư cách những người tham gia tố tụng :

Căn cứ điều Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định :

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị Ngọc G

Bị đơn : Ông Võ Hoàng D

Kết quả biểu quyết : 3/3

4/ Về nội dung :

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn ông Võ Hoàng D.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi một con chung là Võ Ngọc Thùy Trâm, sinh ngày 29/5/2012, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D do bà G không yêu cầu.

Ông Võ Hoàng D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

Kết quả biểu quyết : 3/3

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016)

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc G nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038108 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

Kết quả biểu quyết : 3/3

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Căn cứ Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Buổi nghị án kết thúc lúc …. giờ …. ngày 16 tháng 7 năm 2019.

Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA